

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Giới thiệu:

1. Mô tả khái quát về dự án và gói thầu.

a) Mô tả khái quát về dự án/ dự toán mua sắm:

- Tên dự án: Điều tra thực trạng, đề xuất giải pháp giải quyết chồng lấn rừng và đất lâm nghiệp của các Ban quản lý rừng tại các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ.
 - Thời gian thực hiện: Năm 2025 - 2026.
 - Nội dung thực hiện:
 - + Điều tra thu thập số liệu ranh giới diện tích rừng và đất lâm nghiệp chồng lấn với các chỉ tiêu cụ thể.
 - + Điều tra đánh giá nguyên nhân dẫn đến chồng lấn rừng và đất lâm nghiệp bao gồm các thông tin.
 - + Điều tra đánh giá hiện trạng quản lý bảo vệ rừng trên diện tích chồng lấn.
 - + Đề xuất các giải pháp giải quyết chồng lấn rừng và diện tích đất lâm nghiệp.
 - Phạm vi: Các ban quản lý rừng đặc dụng, ban quản lý rừng phòng hộ tại vùng Bắc Trung Bộ bao gồm các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị (ghi chú: thực hiện đủ các địa điểm kể cả địa điểm đã thực hiện sáp nhập).
- ##### b) Mô tả khái quát về gói thầu:
- Tên gói thầu: Tư vấn “Điều tra thực trạng, đề xuất giải pháp giải quyết chồng lấn rừng và đất lâm nghiệp của các ban quản lý rừng tại các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ”.
 - Tóm tắt công việc chính của gói thầu:
 - + Điều tra thu thập số liệu ranh giới diện tích rừng và đất lâm nghiệp chồng lấn.
 - Điều tra đánh giá nguyên nhân dẫn đến chồng lấn rừng và đất lâm nghiệp bao gồm các thông tin.
 - Điều tra đánh giá hiện trạng quản lý bảo vệ rừng trên diện tích chồng lấn.
 - Đề xuất các giải pháp giải quyết chồng lấn rừng và diện tích đất lâm nghiệp.
 - Giá gói thầu: 2.873.123.000 đồng.
 - Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.
 - Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng.
 - Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn hai túi hồ sơ.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV năm 2025.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 300 ngày.

2. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu.

- Bên mời thầu tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu: Tư vấn “Điều tra thực trạng, đề xuất giải pháp giải quyết chồng lấn rừng và đất lâm nghiệp của các ban quản lý rừng tại các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ” thuộc dự án: Điều tra thực trạng, đề xuất giải pháp giải quyết chồng lấn rừng và đất lâm nghiệp của các Ban quản lý rừng tại các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ nhằm lựa chọn nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm để thực hiện các công tác tư vấn của gói thầu đạt chất lượng và hiệu quả nhất.

II. Phạm vi công việc:

1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu, nguồn vốn, tên cơ quan thực hiện dự án/dự toán mua sắm, thời gian, tiến độ thực hiện

a) Phạm vi công việc đối với nhà thầu: Tư vấn “Điều tra thực trạng, đề xuất giải pháp giải quyết chồng lấn rừng và đất lâm nghiệp của các ban quản lý rừng tại các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ” (Chi tiết tham chiếu STT 2 mục này).

b) Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

c) Tên cơ quan thực hiện dự án/dự toán mua sắm: Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm (Địa chỉ: số 2 đường Ngọc Hà, phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội; Điện thoại: 0243.8438792; Fax: 0243.8438793; Email: cuclnkl@mae.gov.vn).

d) Thời gian, tiến độ thực hiện: Tối đa 300 ngày.

2. Mô tả các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện gói thầu tư vấn.

2.1 Nhà thầu phải thực hiện các nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Tư vấn “Điều tra thực trạng, đề xuất giải pháp giải quyết chồng lấn rừng và đất lâm nghiệp của các ban quản lý rừng tại các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ” đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật mục 2.2 và yêu cầu khác mục 2.3.

2.2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.2.1. Mục đích, yêu cầu điều tra

* Mục đích điều tra: Điều tra, đánh giá và thống kê hiện trạng diện tích rừng và diện tích quy hoạch lâm nghiệp đang chồng lấn tại các ban quản lý rừng thuộc vùng Bắc Trung Bộ làm cơ sở đề xuất giải pháp giải quyết chồng lấn, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý bảo vệ rừng và phát triển rừng vùng Bắc Trung Bộ.

* Yêu cầu điều tra:

- Nội dung điều tra phải phản ánh được thực trạng chồng lấn rừng và đất lâm nghiệp của các ban quản lý rừng;
- Thông tin điều tra phải khách quan, trung thực và có sự tham gia của các chủ rừng, chính quyền địa phương cấp xã; khắc phục những hạn chế về số liệu phục vụ chỉ đạo điều hành;
- Việc tổ chức thu thập thông tin, xử lý số liệu, tổng hợp, công bố và lưu trữ dữ liệu phải thực hiện theo đúng quy định về quản lý điều tra cơ bản và đề cương được phê duyệt;
- Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện dự án điều tra cơ bản thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

2.2.2. Phạm vi, đối tượng, đơn vị điều tra

- Phạm vi điều tra: Các ban quản lý rừng đặc dụng, ban quản lý rừng phòng hộ (sau đây viết tắt là các Ban quản lý rừng) tại vùng Bắc Trung Bộ bao gồm các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị.
- Đối tượng điều tra: Rừng và đất lâm nghiệp đang chồng lấn tại các ban quản lý rừng.
- Đơn vị điều tra: Ban quản lý rừng và các tổ chức, cá nhân liên quan được điều tra.

2.2.3. Nội dung và các chỉ tiêu thông tin cần thu thập

Các thông tin thu thập về diện tích rừng chồng lấn không nằm trong bộ chỉ số thống kê (theo Thông tư 12/2019/TT-BNNPTNT quy định về thống kê ngành lâm nghiệp), cũng như các chỉ tiêu thống kê đặc biệt khác. Thông tin về diện tích, loại rừng theo quy định tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng và Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT.

Các nội dung và chỉ tiêu thông tin chính cần thu thập như sau:

2.2.3.1. Điều tra thu thập số liệu ranh giới diện tích rừng và đất lâm nghiệp chồng lấn với các chỉ tiêu cụ thể sau:

a) Thu thập các bản đồ, ảnh vệ tinh, báo cáo số liệu diện tích rừng và đất lâm nghiệp chồng lấn của các ban quản lý rừng tại các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ (52 ban quản lý rừng gồm: tỉnh Thanh Hóa 17 ban; tỉnh Nghệ An 14 ban; tỉnh Hà Tĩnh 06 ban; tỉnh Quảng Bình 09 ban và tỉnh Quảng Trị 06 ban), gồm:

- Bản đồ hiện trạng rừng các năm 2020, 2021, 2022, 2023; 2024. Trong trường hợp các ban quản lý rừng không có bản đồ hiện trạng rừng hàng năm thực hiện thu thập bản đồ cấp huyện (đối với các ban quản lý rừng thuộc địa bàn 01 huyện) hoặc cấp tỉnh (đối với các Ban quản lý rừng thuộc địa bàn 02 huyện hoặc 02 tỉnh trở lên).
- Số liệu diện tích rừng và đất lâm nghiệp các năm 2020, 2021, 2022, 2023; 2024.

- Ảnh viễn thám (ảnh miễn phí) để giải đoán các khu vực chồng lấn;
- + Ảnh viễn thám có độ phân giải mặt đất nhỏ hơn hoặc bằng 20 m;
- + Ảnh viễn thám có độ che phủ mây dưới 10%;
- + Thời gian chụp các năm 2020, 2021, 2022, 2023, 2024.
- Báo cáo kết quả công tác quản lý bảo vệ rừng hoặc các báo cáo tương tự các năm 2020, 2021, 2022, 2023; 2024.
- Danh sách và diện tích các lô rừng có chồng lấn tại các ban quản lý rừng.

2.2.3.2. Điều tra diện tích rừng chồng lấn theo mục đích sử dụng quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Lâm nghiệp (52 ban quản lý rừng), gồm:

- Diện tích rừng đặc dụng;
- Diện tích rừng phòng hộ;
- Diện tích rừng sản xuất.

2.2.3.3. Điều tra diện tích rừng chồng lấn của các ban quản lý rừng (đơn vị tính là ha).

Trên cơ sở kết quả thu thập số liệu, lựa chọn các Ban quản lý rừng đại diện cho các địa phương để tiến hành điều tra thực địa (05 tỉnh, mỗi tỉnh lựa chọn 02 ban quản lý rừng đặc dụng và 02 ban quản lý rừng phòng hộ có chồng lấn để điều tra thực địa). Tùy theo tình hình thực tế, các nội dung điều tra diện tích rừng theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT bao gồm:

- + Điều tra diện tích rừng tự nhiên nguyên sinh, rừng tự nhiên thứ sinh;
- + Điều tra diện tích rừng núi đất, rừng núi đá, rừng trên đất ngập nước và rừng trên cát;
- + Điều tra diện tích rừng trồng theo loài cây, cấp tuổi;
- + Điều tra diện tích khoanh nuôi tái sinh, diện tích mới trồng chưa thành rừng, diện tích khác đang được sử dụng để bảo vệ phát triển rừng;

2.2.3.4. Khoanh vẽ ranh giới rừng chồng lấn trên bản đồ của các ban quản lý rừng;

2.2.3.5. Phân chia các trạng thái rừng chồng lấn: Việc phân chia các trạng thái rừng trên diện tích chồng lấn theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT. Tiến hành điều tra trữ lượng để xác định trạng thái rừng.

2.2.4. Điều tra đánh giá nguyên nhân dẫn đến chồng lấn rừng và đất lâm nghiệp bao gồm các thông tin sau:

- Do các yếu tố lịch sử;
- Do chồng chéo trong giao rừng và đất lâm nghiệp, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- Do chênh lệch giữa bản đồ và thực tế;

- Do lấn chiếm trong quá trình sử dụng;
- Do các nguyên nhân khác.

2.2.5. Điều tra đánh giá hiện trạng quản lý bảo vệ rừng trên diện tích chồng lấn

- Tình trạng quản lý bảo vệ rừng: giao rừng, cho thuê rừng, chuyển loại rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng; tổ chức quản lý rừng; Phương án quản lý rừng bền vững; Phòng cháy và chữa cháy rừng; các lực lượng tham gia bảo vệ rừng; phát triển rừng; khai thác lâm sản.

- Tình trạng mất rừng; biến động về trạng thái rừng trên diện tích chồng lấn; Lịch sử biến động hiện trạng rừng trên diện tích chồng lấn (từ năm 2020 – 2024).

- Các Quyết định đang có hiệu lực thi hành về quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng hoặc quy hoạch rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất (hoặc bản đồ điều chỉnh ranh giới rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất), bản đồ quy hoạch tỉnh, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia. Tùy theo quy định của pháp luật tại thời điểm thành lập khu rừng đặc dụng, phòng hộ để xác định loại rừng theo mục đích sử dụng trên cơ sở các tài liệu sau: Quyết định giao đất, giao rừng; Quyết định chuyển loại rừng; Quyết định thành lập khu rừng đặc dụng, phòng hộ; Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch lâm nghiệp quốc gia; Quyết định phê duyệt quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng; Quyết định phê duyệt quy hoạch 3 loại rừng và các tài liệu khác theo quy định của địa phương.

2.2.6. Đề xuất các giải pháp giải quyết chồng lấn rừng và diện tích đất lâm nghiệp

- Điều tra và thảo luận các giải pháp giải quyết chồng lấn rừng và diện tích đất lâm nghiệp đã được thực hiện ở các địa phương;

+ Các giải pháp của các ban quản lý rừng đã triển khai và hiệu quả giải quyết chồng lấn rừng;

+ Những vướng mắc trong quá trình giải quyết chồng lấn rừng của các ban quản lý và địa phương.

+ Các giải pháp tiếp theo để giải quyết diện tích chồng lấn rừng còn tồn tại.

- Đề xuất các giải pháp giải quyết chồng lấn rừng và diện tích đất lâm nghiệp vùng Bắc Trung Bộ.

2.2.7. Phiếu điều tra

- Phiếu số liệu diện tích rừng và đất lâm nghiệp các năm 2020, 2021, 2022, 2023; 2024.
- Phiếu số liệu diện tích rừng và đất lâm nghiệp.
- Phiếu điều tra diện tích rừng và đất lâm nghiệp chồng lấn tại các ban quản lý rừng.
- Phiếu điều tra theo tuyến xác định diện tích rừng và đất lâm nghiệp chồng lấn.
- Phiếu điều tra trên ô tiêu chuẩn.

- Phiếu phỏng vấn.

Nhà thầu đề xuất hệ thống phiếu điều tra đầy đủ các nội dung cần điều tra theo yêu cầu của E-HSMT.

2.2.8. Thời điểm, thời kỳ và phương pháp điều tra

2.2.8.1 Thời điểm, thời kỳ điều tra

a) Thời điểm điều tra: Năm 2025.

b) Thời kỳ điều tra: năm 2020-2024.

2.2.8.2. Phương pháp điều tra, thu thập thông tin, số liệu

a) Công tác chuẩn bị

- Xây dựng chi tiết mẫu biểu khảo sát gửi các ban quản lý rừng khảo sát thu thập thông tin, bao gồm: số liệu diện tích rừng và đất lâm nghiệp chồng lấn theo ban quản lý, theo 3 loại rừng, theo xã, huyện, tỉnh;

- Thu thập bản đồ ranh giới rừng và diện tích đất lâm nghiệp chồng lấn (nếu có) của các ban quản lý rừng. Thu thập tại địa phương hoặc từ dữ liệu theo dõi diễn biến tài nguyên rừng (FRMS).

- Trên cơ sở số liệu thống kê và bản đồ diện tích rừng và đất lâm nghiệp chồng lấn của các ban quản lý rừng và địa phương cung cấp, tiến hành thu thập và giải đoán ảnh viễn thám chồng ghép bản đồ những diện tích chồng lấn để xác định diện tích các trạng thái rừng, đất lâm nghiệp chồng lấn phục vụ điều tra thực địa.

- Xác định địa điểm điều tra và mẫu điều tra:

- + Chọn mẫu điển hình để điều tra diện tích: Trên cơ sở các thông tin thu được trong quá trình chuẩn bị, mỗi tỉnh chọn 04 ban quản lý rừng có diện tích rừng và đất lâm nghiệp chồng lấn để điều tra chi tiết ngoài thực địa (02 ban quản lý rừng đặc dụng và 02 ban quản lý rừng phòng hộ).

- + Chọn mẫu điển hình để kiểm tra trữ lượng xác định trạng thái rừng tranh chấp: Lựa chọn 5 điểm để lập ô tiêu chuẩn điển hình để kiểm tra trữ lượng xác định trạng thái rừng cho mỗi ban quản lý rừng có diện tích rừng chồng lấn.

b) Phương pháp thực địa

c) Phương pháp phỏng vấn/thảo luận

d) Phương pháp chuyên gia

e) Phương pháp nội nghiệp

(i) Biên tập bản đồ

(ii) Xử lý số liệu

(iii) Phân tích số liệu

(iv) Viết báo cáo kết quả điều tra: sử dụng phương pháp so sánh, đánh giá và phương pháp chuyên gia để viết báo cáo kết quả điều tra.

Nhà thầu thuyết minh, trình bày chi tiết cách thức thực hiện, biện pháp tính toán cho các phương pháp nêu trên.

2.3. Yêu cầu khác

- Nhà thầu trình bày giải pháp và phương pháp luận kèm theo tài liệu thuyết minh, mô tả kỹ thuật, công tác chuẩn bị máy móc và nhân lực, kế hoạch triển khai đáp ứng thời gian của E-HSMT.

Yêu cầu về chất lượng và số lượng sản phẩm bàn giao

2.3.1. Báo cáo và các văn bản liên quan (bản mềm và 06 bộ bản cứng)

a) Báo cáo chính và báo cáo tóm tắt

Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt dự án: “Điều tra thực trạng, đề xuất giải pháp giải quyết chồng lấn rừng và đất lâm nghiệp của các ban quản lý rừng tại các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ”.

b) Các văn bản liên.

2.3.2. Bản đồ (bản mềm và 03 bộ bản cứng)

Bản đồ hiện trạng rừng chồng lấn của chủ rừng tỷ lệ theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11565-2016 về Bản đồ hiện trạng rừng và quy định tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT, Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT.

Sản phẩm bản đồ là bản đồ dạng GIS sử dụng Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia VN-2000 (định dạng đuôi .shp), bao gồm:

a) Bản đồ cấp tỉnh:

Bản đồ hiện trạng rừng và diện tích đất lâm nghiệp chồng lấn cấp tỉnh: tỷ lệ 1/100.000.

b) Vùng Bắc Trung Bộ

Bản đồ hiện trạng rừng và diện tích đất lâm nghiệp chồng lấn vùng Bắc Trung Bộ: tỷ lệ 1/250.000.

2.3.3. Bộ số liệu

- Hệ thống các bảng biểu, số liệu, dữ liệu về điều tra thực địa tại các khu vực nghiên cứu (03 bản cứng và bản scan).

- Các số liệu trung gian về diện tích rừng và đất lâm nghiệp chồng lấn tại các ban quản lý rừng theo tỉnh và vùng (bản cứng và bản mềm).

- Toàn bộ thành quả trên (bản cứng và bản mềm) được bàn giao cho cơ quan quản lý.

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTM

- Ngay sau khi hợp đồng tư vấn của gói thầu được ký kết.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời hạn
1	Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt dự án: “Điều tra thực trạng, đề xuất giải pháp giải quyết chồng lấn rừng và đất lâm nghiệp của các ban quản lý rừng tại các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ”.	Bộ	6	Tối đa 300 ngày
2	Bản đồ (bản mềm và bản cứng)	Bộ	3	Tối đa 300 ngày
3	Bộ số liệu	Bộ	3	Tối đa 300 ngày

Ngoài ra còn một số kế hoạch, hồ sơ, báo cáo chi tiết trong quá trình thực hiện, nhà thầu vẫn phải giao nộp và đảm bảo các hồ sơ này tuân thủ chất lượng, yêu cầu kỹ thuật và tiến độ thực hiện chung của các hạng mục thuộc gói thầu.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Nhà thầu phải có đội ngũ nhân sự tối thiểu theo yêu cầu về nhân sự tại Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, Chương III- Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT.

Ngoài ra nhà thầu được phép đề xuất thêm các nhóm nhân sự phụ trách kỹ thuật, nhân sự phụ trách nghiệp vụ, nhân sự khác có liên quan để thực hiện gói thầu.

V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

Chủ đầu tư sẽ cung cấp điều kiện làm việc, cán bộ đầu mối hỗ trợ của Chủ đầu tư và những tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn, kể cả các tài liệu nghiên cứu liên quan hiện có đồng thời hỗ trợ giới thiệu chính thức với các bên liên quan mà chuyên gia cần gặp mặt nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình.